

Mẫu số 27-HS theo NQ số 05 ngày 19/9/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao

TÒA ÁN NHÂN DÂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN QUỲ CHÂU	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
NGHỆ AN	

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lang Thị Hoa và ông Bùi Như Đa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Văn Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu - tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2019/TLST - HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Quốc C. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 17 tháng 5 năm 1995 tại huyện QC, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Khối HH1, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Văn D (đã mất) và bà Nguyễn Thị S. Vợ: Trần Thị Thu H và có 04 người con, con đầu sinh năm 2016 và 02 con út (sinh đôi) sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Hùng C. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 14 tháng 4 năm 1981 tại huyện QC, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Bản MT, xã CH, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 9/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Bằng Th và bà Lang Thị H. Vợ: Trương Thị B và có 01 người con sinh năm 2011. Tiền án: Ngày 13/8/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh NA xét xử phúc thẩm tuyên phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Cố ý gây thương tích”.

Ngày 09/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện QP, tỉnh NA xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 13/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh NA buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là

04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 19/6/2016 và chấp hành xong phần bồi thường dân sự vào ngày 20/7/2017.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn C. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 25 tháng 7 năm 1974 tại thị xã TH, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Khối HK, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hoá: Lớp 3/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn D và bà Đặng Thị L. Vợ: Lê Thị Th và có 03 người con, con đầu sinh năm 1998 và con út sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Lê N. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1982 tại huyện ND, tỉnh NA.

Nơi đăng ký hộ khẩu cư trú: Xóm M, xã CTh, huyện QC, tỉnh NA; Tạm trú: Khối HK, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hoá: Lớp 11/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Lê K (đã mất) và bà Nguyễn Thị L. Vợ: Võ Thị Th và có 01 người con sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 23/02/2019; hiện đang tại ngoại. Có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Ngọc D. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1989 tại huyện TK, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Làng LH, xã CH, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị Ng. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 15/12/2018 bị Công an huyện QC, tỉnh NA xử phạt hành chính 1.000.000^d (Một triệu đồng) về hành vi “Đánh bạc”, chưa thi hành số tiền này. Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019; hiện đang tại ngoại. Có mặt.

6. Họ và tên: Trần Văn T. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1972 tại thị xã TH, tỉnh NA.

Nơi đăng ký hộ khẩu cư trú: Xóm ĐT, xã ĐH, thị xã TH, tỉnh NA. Chỗ ở hiện nay: Khối TH2, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hoá: Lớp 7/10. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn Ng và bà Cao Thị H (đều đã mất). Vợ: Nguyễn Thị Mỹ H và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019; hiện đang tại ngoại. Có mặt.

7. Họ và tên: Ngô Xuân T. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1998 tại huyện QC, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Khối HH1, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô Xuân T và bà Lê Thị Ch. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019; hiện đang tại ngoại. Có mặt.

8. Họ và tên: Ngô Trí T. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1989 tại huyện QC, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Khối HH1, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô Trí Th và bà Võ Thị M. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019; hiện đang tại ngoại. Có mặt.

9. Họ và tên: Hà Văn D. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 07 tháng 02 năm 1987 tại huyện QC, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Bản ĐT, xã CH, huyện QC, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 12/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hà Văn L (đã mất) và bà Lương Thị Minh Ch. Vợ: Vi Thị L và có 02 người con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Nguyễn Hữu Kh - sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản TS, xã CH, huyện QC, tỉnh NA. Vắng mặt.

2. Võ Tiến D - sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Khối HH1, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Vắng mặt.

3. Võ Văn Ch - sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Khối HH1, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA. Vắng mặt.

(Nguyễn Hữu Kh, Võ Tiến D và Võ Văn Ch là những người làm chứng trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng hơn 17 giờ ngày 20/02/2019, lần lượt các đối tượng Nguyễn Hùng C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Lê N, Nguyễn Ngọc D, Trần Văn T, Ngô Xuân T, Ngô Trí T, Hà Văn D và Lê Đức H đến nhà Võ Quốc C đánh bi a. Sau đó cả nhóm thống nhất vào phòng ngủ của nhà C đánh bạc. Võ Quốc C đồng ý nên đã chuẩn bị bát, đĩa và cắt 04 con đĩ (xúc xắc) từ quân bài Tulokhor ra và để cho các đối tượng đó ngồi trên chiếu nhựa được trải sẵn trong phòng ngủ nhà mình thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Quá trình đánh bạc được quy định như sau: Người cầm bát, đĩa xóc gọi là “nhà cái”, sau khi xóc xong mở bát ra nếu có 03 con đĩ cùng mặt giống nhau

và có 01 con khác mặt là “lẽ”; còn lại gọi là “chẵn”. Những đối tượng tham gia đánh bạc đặt cược theo cửa “chẵn” hoặc “lẽ” nói trên, nếu đặt đúng cửa sau khi xóc và mở bát thì bên nhà cái trả số tiền bằng số tiền đã đặt cược, nếu đặt không đúng thì sau khi mở bát “nhà cái” sẽ thắng và được số tiền mà người tham gia đánh bạc đã đặt cược đó. Số tiền đặt cược thấp nhất là 50.000^d và cao nhất do “nhà cái” quy định. Vào thời điểm bắt đầu thực hiện hành vi đánh bạc thì Hà Văn D là người cầm cái, sau đó Trần Văn T cầm cái cho đến khi bị bắt.

Quá trình đánh bạc, Võ Quốc C thu tiền hồ được 900.000^d (chín trăm nghìn đồng) và dùng số tiền này tham gia đánh bạc với các đối tượng nói trên. Cũng trong quá trình đó, Nguyễn Ngọc D cầm cố cho Võ Quốc C 01 điện thoại di động SamSung Galaxy NOT 8 màu đen lấy số tiền 2.000.000^d để tham gia đánh bạc. Đến 17 giờ 50 phút cùng ngày, khi tất cả 10 đối tượng trên đang ngồi đánh bạc thì bị Công an huyện QC bắt quả tang, lập biên bản đưa về trụ sở Công an huyện giải quyết. Ngoài ra còn thu giữ tại chiếu bạc số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 15.100.000^d (mười lăm triệu, một trăm nghìn đồng chẵn); 01 bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng; 04 con đĩ (xúc xắc) hình tròn và 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh. Tại Cơ quan công an huyện, Ngô Trí T giao nộp thêm 3.000.000^d (ba triệu đồng chẵn) là số tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền lời do đánh bạc mà có. Quá trình điều tra còn thu giữ của Trần Văn T số tiền 5.000.000^d, của Hà Văn D 2.000.000^d, thu từ Nguyễn Ngọc D 01 điện thoại di động SamSung Galaxy NOT 8 màu đen dùng cầm cố đánh bạc có số IMEI 1: 356358080081658; số IMEI 2: 356358080081658.

Tại cơ quan điều tra, từng đối tượng khai nhận đã sử dụng số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau: Hà Văn D 2.050.000^d, Trần Văn T 1.300.000^d, Nguyễn Hùng C 550.000^d, Ngô Trí T 1.500.000^d, Ngô Xuân T 350.000^d, Lê Đức H 200.000^d, Nguyễn Văn C 400.000^d, Võ Quốc C 900.000^d, Nguyễn Ngọc D 900.000^d và Nguyễn Lê N là 10.950.000^d. Tổng cộng: 19.100.000^d (mười chín triệu, một trăm nghìn đồng chẵn).

Tại các Biên bản mở niêm phong vật chứng xác định tiền thật, giả và niêm phong lại được lập vào hồi 14 giờ, 14 giờ 35 phút, 15 giờ và 15 giờ 25 phút cùng ngày 04/3/2019 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Quỳnh Châu - Tây Nghệ An đã xác định toàn bộ số tiền thu giữ trên đều là tiền thật, do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Đối với Lê Đức H trong quá trình điều tra đã bỏ trốn, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QC đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án và Quyết định truy nã. Khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Trên cơ sở đó, Cáo trạng số 38/CT-VKS-HS ngày 24/6/2019 và Công văn số 289/CV-VKS-QC ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QC, tỉnh NA quyết định truy tố ra trước Tòa án để xét xử Võ Quốc C, Nguyễn Hùng C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Lê N, Nguyễn Ngọc D, Trần Văn T, Ngô Xuân T, Ngô Trí T và Hà Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng quy định tại khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 38 và điều 58 BLHS. Xử phạt Nguyễn Ngọc D từ 07 tháng đến 10 tháng tù về tội "Đánh bạc", trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến 26/02/2019.

Áp dụng quy định tại khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1 - khoản 2 điều 51; điều 38 và điều 58 BLHS. Xử phạt Nguyễn Hùng C từ 07 tháng đến 10 tháng tù về tội "Đánh bạc", trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến 26/02/2019.

Áp dụng quy định tại khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 - khoản 2 điều 51; điều 58; điều 65 BLHS. Xử phạt Hà Văn D và Trần Văn T mỗi bị cáo từ 07 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng quy định tại khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 58; điều 65 BLHS. Xử phạt Ngô Trí T từ 07 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt Võ Quốc C và Nguyễn Lê N mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng quy định tại khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 - khoản 2 điều 51; điều 58; điều 35 BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn C từ 20.000.000^d đến 25.000.000^d.

Áp dụng quy định tại khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 58; điều 35 BLHS. Xử phạt Ngô Xuân T từ 20.000.000^d đến 25.000.000^d.

Áp dụng điều 106 BLTTHS: Đề nghị tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 18.100.000^d (mười tám triệu, một trăm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội và thu lợi bất chính do phạm tội mà có; tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng; 04 con đĩ (xúc xắc) hình tròn và 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh; tịch thu của Nguyễn Ngọc D 01 chiếc điện thoại di động để nộp ngân sách nhà nước; trả lại cho Trần Văn T 5.000.000^d (năm triệu đồng); trả lại cho Hà

Văn D 2.000.000^d (hai triệu đồng); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ Luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện QC, của điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện QC, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Về cơ bản Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng Hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn này.

Tuy nhiên trong vụ án này, Viện kiểm sát nhân dân huyện QC quyết định truy tố Nguyễn Hùng C ra trước tòa án để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 là không đúng quy định của pháp luật; không truy tố Võ Quốc C về tội “Gá bạc” là bỏ lọt tội phạm.

Vì vậy, căn cứ điều 298 BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử Nguyễn Hùng C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 321 BLHS và sẽ kiến nghị với cấp Giám đốc thẩm xem xét theo thẩm quyền đối với hành vi “Gá bạc” của Võ Quốc C.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận vào chiều ngày 20/02/2019 đã đến nhà Võ Quốc C đánh bi a, sau đó rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam ngay tại phòng ngủ trong nhà Võ Quốc C.

Tổng số có 10 người cùng tham gia đánh bạc và mặc dầu các bị cáo khai nhận đã sử dụng tổng số tiền là 19.100.000^d (mười chín triệu, một trăm nghìn đồng chẵn) vào việc đánh bạc với số tiền của từng đối tượng cụ thể như sau: Hà Văn D 2.050.000^d, Trần Văn T 1.300.000^d, Nguyễn Hùng C 550.000^d, Ngô Trí T 1.500.000^d, Ngô Xuân T 350.000^d, Lê Đức H 200.000^d, Nguyễn Văn C 400.000^d, Võ Quốc C 900.000^d, Nguyễn Ngọc D 900.000^d và Nguyễn Lê N là 10.950.000^d. Tuy nhiên tại phiên tòa đã chứng minh được trong thực tế của quá trình đánh bạc và sát phạt nhau như vậy giữa một số bị cáo có mượn tiền nhau xoay vòng và số tiền mặt thu được tại chiều bạc là 15.100.000^d cùng với 3.000.000^d mà Ngô Trí T giao nộp trong quá trình điều tra. Tổng cộng chỉ là 18.100.000^d (Mười tám triệu, một trăm nghìn đồng chẵn).

Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cơ bản phù hợp với

các tài liệu trong Hồ sơ vụ án và những vật chứng được thu giữ. Như vậy đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: các bị cáo Võ Quốc C, Nguyễn Hùng C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Lê N, Nguyễn Ngọc D, Trần Văn T, Ngô Xuân T, Ngô Trí T và Hà Văn D đã có hành vi *Đánh bạc*. Hành vi này đã hoàn thành và phải chịu trách nhiệm hình sự và các trách nhiệm khác liên quan tương ứng theo quy định của pháp luật. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện QC truy tố các bị cáo ra trước Tòa án để xét xử về tội “Đánh bạc” theo điều 321 BLHS là có cơ sở.

[3] Xét tính chất vụ án, vai trò của từng đối tượng tham gia và trách nhiệm cá biệt: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, thuộc nhiều thành phần trong xã hội, hầu hết đều đã có gia đình, vợ - con, có công ăn việc làm ổn định, có nhận thức nhất định về pháp luật nhưng do đua đòi ăn chơi, không có ý thức tu dưỡng và tuân thủ pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội, đó là xâm phạm trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính, dẫn đến gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Võ Quốc C ngoài hành vi tham gia đánh bạc còn có hành vi sử dụng ngay chính nhà mình cho các đối tượng khác đánh bạc, đã chuẩn bị bát, đĩa và cắt các con dĩa (xúc xắc) dùng làm công cụ phục vụ cho việc đánh bạc và trực tiếp thu tiền hồ được 900.000^d (chín trăm nghìn đồng); cho Nguyễn Ngọc D cầm cố tài sản (điện thoại di động) để có tiền đánh bạc. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã chứng minh được trong vụ án này có tất cả 10 đối tượng cùng lúc tham gia đánh bạc tại nhà Võ Quốc C, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 18.100.000^d. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và hành vi đó đã cấu thành tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 322 BLHS, việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC đề nghị truy tố Võ Quốc C ra trước Tòa án để xét xử về 02 tội danh là “Đánh bạc” và “Gá bạc” là có căn cứ. Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện QC đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án về hành vi “Gá bạc” đối với Võ Quốc C là không đúng quy định của pháp luật. Do giới hạn của thẩm quyền xét xử được quy định tại điều 298 BLTTHS nên Hội đồng xét xử chỉ xét xử và buộc Võ Quốc C chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” đồng thời kiến nghị cấp Giám đốc thẩm hủy một phần bản án đối với Võ Quốc C để xem xét, xử lý về hành vi “Gá bạc” theo quy định.

Đối với trường hợp của Nguyễn Hùng C cũng tương tự như vậy, đây không phải lần đầu bị cáo phạm tội. Ngày 13/8/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh NA xét xử phúc thẩm tuyên phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/4/2009) về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 09/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện QP, tỉnh NA xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 13/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh NA buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 19/6/2016 và chấp hành xong phần bồi thường dân sự vào ngày 20/7/2017. Như vậy tính từ ngày bị cáo chấp hành xong bản án của Tòa án là ngày 20/7/2017 cho đến ngày phạm tội mới là 20/02/2019 thì chưa đủ 02 năm theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 70 BLHS năm 2015. Do đó bị cáo không được xem là đương nhiên xóa án tích theo quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân

huyện QC và trên thực tế cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền Quyết định xóa án tích. Bị cáo đã từng tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Cần phải được xét xử và buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 321 BLHS có khung hình phạt từ 03 năm đến 07 năm tù.

Đối với Nguyễn Ngọc D vào ngày 15/12/2018 đã có hành vi “Đánh bạc”, bị Công an huyện QC, tỉnh NA xử phạt hành chính 1.000.000^d (Một triệu đồng), chưa thi hành số tiền này và nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục và làm gương.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Lê N, Trần Văn T, Ngô Xuân T, Ngô Trí T và Hà Văn D đã có hành vi *Đánh bạc*. Hành vi này đã hoàn thành và phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong đó Nguyễn Lê N sử dụng số tiền tương đối lớn trong việc thực hiện hành vi phạm tội, nên cũng cần xem xét xử phạt nghiêm hơn các bị cáo khác để làm gương.

Trong vụ án này còn có Lê Đức H là đối tượng cùng tham gia đánh bạc với 09 bị cáo nói trên và đã bị khởi tố để điều tra. Trong quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC đã ra Quyết định truy nã, tạm đình chỉ vụ án đối với Lê Đức H. Khi nào bắt được sẽ tiếp tục xử lý.

[4] Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đó là trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; đối với Võ Quốc C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Lê N, Trần Văn T, Ngô Xuân T, Ngô Trí T, Nguyễn Ngọc D và Hà Văn D thì đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hà Văn D có bố đẻ là ông Hà Văn L được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và Huân chương kháng chiến hạng ba; Nguyễn Văn C có bố đẻ là ông Nguyễn Văn D được UBND tỉnh NA tặng Bằng khen; Trần Văn T có bố đẻ là ông Trần Văn Ng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; Nguyễn Hùng C có bố đẻ là ông Nguyễn Bằng Th được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, có bác ruột Nguyễn Văn Th là liệt sỹ. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 - khoản 2 điều 51 BLHS để vận dụng xử phạt tương ứng với từng bị cáo khi lượng hình. Ngoài ra cần căn cứ các điều 35; 38; 54; 58; 65; khoản 3 điều 321 BLHS để xử phạt đối với từng bị cáo cụ thể trong vụ án. Theo xác nhận của Trung tâm y tế huyện QC, hiện tại Nguyễn Hùng C đang điều trị bệnh nhiễm HIV/AIDS giai đoạn cuối; đang điều trị viêm phế quản (Phổi) và uống Methadone tại trung tâm y tế huyện QC, bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, nên có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Võ Quốc C đã thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Do đó ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo khác.

[6] Trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 (Một) điện thoại di động Samsung Galaxy NOT 8 màu đen có số IMEI 1: 356358080081658; số IMEI 2: 356358080081658; 01 (Một) bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng; 04 (Bốn) con xúc xắc hình tròn được cắt ra từ lá bài Tulokhor; 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu xanh và 25.100.000^d (Hai mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng chẵn). Số vật chứng này cần căn cứ quy định tại điều 106 BLTTHS để xem xét, xử lý.

Xét thấy, trong tổng số tiền thu giữ thì có 18.100.000^d (Mười tám triệu, một trăm nghìn đồng chẵn) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có, do đó cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; số tiền 7.000.000^d (Bảy triệu đồng) còn lại thu của Trần Văn T và Hà Văn D trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không chứng minh được là đã và sẽ sử dụng cho mục đích phạm tội, không phải do phạm tội mà có, đây là tài sản hợp pháp của Trần Văn T và Hà Văn D, nên sẽ được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 (Một) bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng; 04 (Bốn) con xúc xắc hình tròn được cắt ra từ lá bài Tulokhor; 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu xanh cần tịch thu, tiêu hủy. Trả lại chiếc điện thoại di động cho Nguyễn Ngọc D. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng thì giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 58; điều 65 BLHS. Xử phạt Võ Quốc C 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc".

Giao Võ Quốc C về cho UBND thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA cùng phối hợp với gia đình để quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 62 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 3 điều 321 BLHS. Xử phạt bổ sung đối với Võ Quốc C số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng chẵn).

2. Căn cứ khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 38; điều 58 BLHS. Xử phạt Nguyễn Ngọc D 06 (Sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019.

3. Căn cứ điểm d khoản 2 điều 321; điểm s khoản 1 - khoản 2 điều 51; điều 38; điều 54; điều 58 BLHS. Xử phạt Nguyễn Hùng C 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019.

4. Căn cứ khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 - khoản 2 điều 51; điều 35; điều 58 của BLHS. Xử phạt Hà Văn D, Trần Văn T và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng chẵn) về tội "Đánh bạc".

5. Căn cứ khoản 1 điều 321; các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 35; điều 58 của BLHS. Xử phạt Ngô Xuân T, Ngô Trí T mỗi bị cáo 25.000.000^d (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn); Xử phạt Nguyễn Lê N 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng chẵn) đều về tội "Đánh bạc".

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không thi hành ngay số tiền là hình phạt bổ sung và hình phạt chính thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS. Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.100.000^d (Mười tám triệu, một trăm nghìn đồng chẵn). Trả lại cho Trần Văn T 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn). Trả lại cho Hà Văn D 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn). Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng; 04 (Bốn) con xúc xắc hình tròn được cắt ra từ lá bài Tulokho; 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu xanh. Trả lại chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy NOT 8 màu đen cho Nguyễn Ngọc D. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng thì giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Những vật chứng nói trên được thể hiện tại Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 27/6/2019 giữa đơn vị trả tiền là Công an huyện QC và đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện QC, tỉnh NA và có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng được lập vào hồi 16 giờ 20 phút, ngày 27/6/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC và Chi cục thi hành án dân sự huyện QC.

Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ Luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Võ Quốc C, Nguyễn Hùng C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Lê N, Nguyễn Ngọc D, Trần Văn T, Ngô Xuân T, Ngô Trí T và Hà Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Tất cả đều được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Công an huyện QC;
- VKSND huyện QC; VKSND tỉnh NA;
- Bộ phận HSNV Công an huyện QC;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh NA;
- Chi cục THADS huyện QC;
- Sở Tư pháp tỉnh NA;
- Trại tạm giam Công an tỉnh NA;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Văn Dũng

1, Hình phạt: áp dụng khoản 1 điều 248; các điểm h, p khoản 1 điều 46; các khoản 1, 3 và 4 điều 30 BLHS. Xử phạt Nguyễn Thị Phong 15.000.000^d (Mười lăm triệu đồng).

Số tiền phạt trên buộc bị cáo phải nộp vào một lần trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thi hành ngay số tiền phạt nói trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và vào từng thời điểm cho đến khi thi hành xong.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gị thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gị thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì

ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)